

Bản án số: 12/2023/HS-ST

Ngày: 09 - 01 - 2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chi.

2. Bà Nguyễn H Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Th phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Lê Việt Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Th phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 475/2022/HSST ngày 08 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 561/2022/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Quang T, sinh năm: 1962, tại Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 11/72 Nguyễn Hữu Tiến, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Th phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số 479 đường Kha Vạn Cân, Khu phố 5, phường Linh Đông, thành phố Thủ Đức, Th phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông Nguyễn Trần Cự (©) và bà Phạm Thị Trang (©); Vợ: Đỗ Anh Thư, sinh năm 1970 và 01 con sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 31/7/2020 đến ngày 15/9/2020 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Trọng C, sinh năm: 1963, tại Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 2/193B, ấp Tân Lập, xã Xuân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, Th phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số 479 đường Kha Vạn Cân, Khu phố 5, phường Linh Đông, thành phố Thủ Đức, Th phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc:

Kinh; tôn giáo: Phật; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông Lê Trọng Đại (©) và bà Nguyễn Thị Nga; Vợ: Đào Thị Kim Cúc, sinh năm 1972 và 02 con lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 31/7/2020 đến ngày 29/8/2022 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Lê Minh Th, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Xã Hưng Lễ, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quang T:* Bà Nguyễn Kim D – Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Đức Danh thuộc Đoàn Luật sư Th phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Nguyễn Thị Thu TX, sinh năm 1979, vắng mặt.
2. Chị Phan Thị Yến N, sinh năm 1985, vắng mặt.
3. Anh Đào Công Minh TXX, sinh năm 1977, vắng mặt.
4. Chị Phạm Bé N, sinh năm 1983, vắng mặt.
5. Chị Nguyễn Thị Thùy H, sinh năm 1993, vắng mặt.
6. Chị Bàng Thị L, sinh năm. 1995, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/7/2016, Nguyễn Quang T thuê Khách sạn Hoa Hồng (gồm 21 phòng nghỉ) tại địa chỉ: Số 479 Kha Vạn Cân, Khu phố 5, phường Linh Đông thành phố Thủ Đức, để kinh doanh dịch vụ lưu trú. Đầu năm 2019, T có thuê Lê Trọng C và Bùi Như L (đã bỏ trốn) hằng ngày có mặt tại khách sạn để trông coi, nhận tiền, dọn phòng và theo dõi lượng khách đến thuê, riêng C còn nhiệm vụ đi chợ nấu ăn (việc thuê không lập thành hợp đồng). Quá trình cho thuê phòng C biết có nhiều gái bán dâm thuê phòng thực hiện hành vi bán dâm và báo cho T biết. Tuy nhiên, do khách sạn ít khách đến thuê nên từ tháng 05/2019 T đồng ý để C, Lạc cho gái mại dâm thuê phòng tại khách sạn để bán dâm nhằm thu tiền phòng 200.000 đồng/ngày.

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 30/7/2019, qua điện thoại di động, Đào Công Minh TXX và Nguyễn Thị Thu TX thỏa thuận giá mua bán dâm 200.000 đồng với nhau và TX hẹn Trí đến Khách sạn Hoa Hồng để thực hiện quan hệ tình dục. Cũng qua điện thoại, khoảng 21 giờ 30 phút ngày 30/7/2019, Phan Thị Yên N và Lê Minh Th thỏa thuận giá mua bán dâm là 250.000 đồng và Như hẹn Th đến Khách sạn Hoa Hồng thực hiện mua bán dâm. Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 30/7/2019, tại Phòng 11 và Phòng số 14 của Khách sạn Hoa Hồng, khi Nguyễn Thị Thu TX và Đào Công Minh TXX; Phan Thị Yên N và Lê Minh Th đang thực hiện hành vi mua bán dâm với nhau thì bị lực lượng chức năng kiểm tra hành chính, phát hiện lập biên bản phạm tội quả tang.

Ngoài việc TX và Như thuê Khách sạn Hoa Hồng để bán dâm, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Thủ Đức còn làm rõ được Phạm Bé N, Nguyễn Thị Thùy H, Bàng Thị L cũng thuê phòng trong Khách sạn Hoa Hồng để thực hiện mua bán dâm. Trong đó: Phạm Bé N thuê Phòng 101 từ tháng 04/2019 để ở và thực hiện hành vi bán dâm. Hằng ngày, NX lên trang mạng Zalo kynu.net tìm khách có nhu cầu mua dâm, khách nào thích thì gọi điện thoại di động cho NX thỏa thuận giá cả và NX hẹn về Khách sạn Hoa Hồng để thực hiện hành vi bán dâm (có thể bán tại phòng NX thuê ở hoặc phòng khác do khách mua dâm thuê). Có ngày NX bán dâm cho 01 đến 05 người, cũng có ngày không có khách mua dâm. Ngày 30/7/2019, NX bán dâm cho một người tại Khách sạn Hoa Hồng. Mỗi khách mua dâm sẽ trả 250.000 đồng. NX trả tiền thuê phòng khách sạn mỗi ngày 200.000 đồng, ngoài ra không trả thêm tiền gì khác. Việc NX mua bán dâm tại khách sạn, do dẫn khách mua dâm về thường xuyên nên chủ khách sạn biết nhưng vẫn cho NX thuê ở. Trong thời gian thuê Phòng 101 Khách sạn Hoa Hồng. NX đã bán dâm được trên 06 lần.

Nguyễn Thị Thùy H thuê Phòng 102 Khách sạn Hoa Hồng từ ngày 28/7/2019 để ở và bán dâm. Hằng ngày H sẽ đi ra ngoài nhậu ở các quán nhậu để tìm khách, khách nào thích thì đi cùng H về khách sạn để thực hiện hành vi bán dâm. Mỗi khách mua dâm sẽ trả giao động từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng. H trả tiền thuê phòng khách sạn mỗi ngày 200.000 đồng, ngoài ra không trả thêm tiền gì khác. Trong hai ngày 28 và 29/7/2019, tại Phòng thuê 102 của Khách sạn Hoa Hồng, H thực hiện bán dâm cho 02 người. Việc H mua bán dâm tại khách sạn, do dẫn khách mua dâm về thường xuyên nên chủ khách sạn biết nhưng vẫn cho H thuê ở. Trong thời gian thuê Phòng 102 trong Khách sạn Hoa Hồng, H đã bán dâm tại đây được 02 lần.

Phan Thị Yên N đã bán dâm tại khách sạn “Hoa Hồng” từ tháng 7 năm 2019 cho đến ngày bị bắt quả tang thì H đã bán được nhiều lần nhưng không nhớ cụ thể về thời gian và người mua bán dâm.

Bàng Thị L khai nhận: Từ ngày 28/7/2019 Liên đến thuê phòng 104 tại khách sạn Hoa Hồng để ở và bán dâm. Hằng ngày, Liên lên trang mạng zalo kynu.net tìm khách có nhu cầu mua dâm, khách nào thích thì gọi điện thoại di động cho Liên thỏa thuận giá cả và hẹn về khách sạn để thực hiện hành vi bán dâm. Mỗi khách mua dâm sẽ trả 300.000 đồng. Liên trả tiền thuê phòng khách sạn mỗi ngày 200.000 đồng, ngoài ra không trả thêm tiền gì khác.

Qua kiểm tra camera tại khách sạn từ ngày 28/7/2019 đến 30/7/2019 ghi nhận có tổng 15 lượt khách nam giới vào các phòng 1,3,4,5,105 sau đó có một số cô gái đi vào phòng này.

Nguyễn Quang T khai nhận: Do khách sạn ít khách đến thuê ở nên từ tháng 5/2019, T đồng ý với C cho những người phụ nữ thuê phòng ở để mua bán dâm. Mỗi ngày nhìn qua camera khách sạn T thấy có 03 đến 05 lượt khách vào phòng là nam giới để mua bán dâm. Cũng có khi khách nam thuê phòng khác rồi gọi gái mại dâm bé NX, H, Liên đi từ các phòng đã thuê ở sang. Ngoài ra T cũng được C báo việc các cô gái trên thuê các phòng 101,102,104 ở để mua bán dâm thì T đồng ý. Việc thỏa thuận mua bán dâm giữa khách mua dâm và gái bán dâm thế nào T không biết và cũng không hưởng tiền hoa hồng. T cho gái bán dâm đến ở tại khách sạn nhằm mục đích có khách đến mua dâm thuê phòng ở và thu tiền phòng, chứ không ăn chia hưởng hoa hồng từ việc mua bán dâm này. T không biết được những cô gái bán dâm cho ai, bao nhiêu lần và giá cả như thế nào. Ngoài ra, T khai nhận do không hiểu biết pháp luật nên để cho gái bán dâm thuê phòng bán dâm là không vi phạm pháp luật.

Lê Trọng C khai nhận: Từ đầu năm 2019, C đến khách sạn “Hoa Hồng” số 479, Kha Vạn Cân, khu phố 5, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Th phố Hồ Chí Minh để làm quản lý cho Nguyễn Quang T. Do khách sạn ít khách đến thuê ở nên từ tháng 5/2019, khách sạn bắt đầu cho những người phụ nữ hành nghề mại dâm thuê phòng ở để mua bán dâm tại khách sạn. C biết những cô gái thuê phòng 101,102, 104 để ở, để bán dâm và một số cô gái thường đến vào, ra cùng từ phòng các khách nam giới là đến bán dâm. Ngoài ra một số khách nam giới sau khi mua dâm xong ra nói lại. Khách đến mua dâm cũng có nói đến khách sạn để thuê và hẹn gái bán dâm đến để mua dâm tại khách sạn Hoa Hồng. Mỗi ngày nhìn qua camera khách sạn C thấy có 04 đến 05 lượt khách vào các phòng của gái mại dâm để mua dâm. Việc thỏa thuận mua bán dâm giữa khách mua dâm và gái bán dâm thế nào C không biết và cũng không hưởng tiền hoa hồng. C không biết được những cô gái bán dâm cho ai, bao nhiêu lần và giá cả như thế nào. Sau đó, C đã báo cho T biết việc gái bán dâm đến ở, rồi bán dâm tại khách sạn nhưng T đồng ý để gái bán dâm thuê ở nhằm mục đích thu tiền phòng. Bị can C khai từ tháng 5/2019 đến tháng 7/2019, C cho những gái bán dâm thuê

phòng trong khách sạn để ở bán dâm theo nhu cầu của người bán dâm là theo tuần hoặc theo tháng. Nhưng C không nhớ chính xác ngày thuê, nên không nhớ cụ thể đã thu được bao nhiêu tiền phòng từ các gái mại dâm, chỉ nhớ một phòng, một người, mỗi ngày 200.000 đồng và thu được khoảng 7.000.000 đồng. Khoảng 22 giờ 00 ngày 30/7/2019, Cơ quan công an vào kiểm tra hành chính khách sạn phát hiện được tại phòng 11 và phòng 14 có bốn người đang thực hiện hành vi mua bán dâm.

Vật chứng thu giữ:

- 09 bao cao su;
- 250.000 đồng của Lê Minh Th là tiền mua dâm.

Tại Cáo trạng số: 441/CT-VKS ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Th phố Hồ Chí Minh đã truy tố Nguyễn Quang T và Lê Trọng C về tội “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức vẫn giữ quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 327; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Nguyễn Quang T từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách gấp đôi thời hạn tù. Phạt tiền bổ sung: 10.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Lê Trọng C 02 (hai) năm 29 (hai mươi chín) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/7/2020, bằng với thời gian đã bị tạm giam.

- Về xử lý vật chứng, án phí: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 09 bao cao su là công cụ phạm tội và nộp ngân sách nhà nước số tiền thu lợi bất chính.

Tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên, không tranh luận.

Luật sư Nguyễn Kim D bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quang T tranh luận:

Luật sư thống nhất với với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức truy tố các bị cáo theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ, hoàn cảnh gia đình bị cáo T như: Bị cáo T có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, tích cực hợp tác với các cơ quan tiến hành tố tụng, tự

nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính. Gia đình bị cáo có công với cách mạng, anh ruột là liệt sĩ, cha, anh và em ruột của bị cáo T được Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương. Bên cạnh đó, bị cáo T hiện đã lớn tuổi, có nơi cư trú rõ ràng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để tạo điều kiện cho bị cáo, sửa chữa lỗi lầm, làm ăn chân chính.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đã biết lỗi của mình, rất hối hận về hành vi của mình. Các bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Minh Th không có yêu cầu gì khác và vắng mặt tại phiên tòa. Xét việc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt anh Th.

[2] Xét trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng pháp luật.

[3] Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ... cùng các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập được trong quá trình điều tra về hành vi, thời gian, không gian, địa điểm xảy ra tội phạm, phù hợp với cáo trạng của Viện kiểm sát nên có cơ sở xác định: Nguyễn Quang T và Lê Trọng C là những người quản lý, trông coi khách sạn “Hoa Hồng”, địa chỉ: Số 479, đường Kha Vạn Cân, Khu phố 5, phường Linh Đông, thành phố Thủ Đức. Để tăng doanh thu của khách sạn nên T và C thống nhất cho gái bán dâm thuê phòng khách sạn “Hoa Hồng” để bán dâm. Khoảng 22 giờ ngày 30/7/2019, tại phòng 11 và phòng 14 của khách sạn “Hoa Hồng”, khi Nguyễn Thị Thu TX và Đào Công Minh TXX; Phan Thị Yến N và Lê Minh Th đang thực hiện hành vi mua bán dâm với nhau thì bị kiểm tra hành chính, phát hiện lập biên bản xử lý, thu giữ vật chứng.

Hành vi của Nguyễn Quang T và Lê Trọng C là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm an toàn công cộng, ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hoá mới và là môi trường lây lan căn bệnh thế kỷ HIV/AIDS và các căn bệnh xã hội khác. Các

bị cáo có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Chứa mại dâm” theo Điều 327 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan sai.

Vụ án có đồng phạm, trong đó bị cáo T là người trực tiếp thuê khách sạn để kinh doanh và thuê bị cáo C quản lý. Cả hai bị cáo cùng thống nhất việc cho các đối tượng thuê phòng và bán dâm cho khách tại khách sạn. Tuy nhiên, bị cáo C chỉ là người làm thuê, thực hiện công việc theo yêu cầu của chủ khách sạn nên vai trò phạm tội có phần hạn chế hơn.

Đối với Phan Thị Yến N, Nguyễn Thị Thu TX, Nguyễn Thị Thùy H, Bàng Thị L, Phạm Bé N, Công an phường Linh Đông đã lập hồ sơ xử phạt hành chính về hành vi bán dâm. Đối với Lê Minh Th và Đào Công Minh TXX, Công an phường Linh Đông đã lập hồ sơ xử phạt hành chính về hành vi mua dâm.

Đối với Bùi Như L qua xác minh tại xã Hải Hà, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa xác định không có ai tên Bùi Như L. Do đó, Công an thành phố Thủ Đức đã ra quyết định tách vụ án để xử lý sau.

[4] Về tình tiết định khung hình phạt:

Trong quá trình điều tra xác định Phạm Bé N thuê phòng 101, Nguyễn Thị Thùy H thuê phòng 102, Bàng Thị L thuê phòng 104 của Khách sạn Hoa Hồng để ở lâu dài và có bán dâm. Tuy nhiên, ngoài lời khai nhận tội của các bị cáo và lời khai các đối tượng bán dâm ra thì không có chứng cứ khác như không bắt quả tang được hành vi mua bán dâm, không xác định được đối tượng mua dâm từng lần cụ thể trong sổ ghi chép khách thuê phòng và camera ghi hình của khách sạn nên không đủ căn cứ để kết luận các bị cáo cho người bán dâm thuê phòng để bán dâm trong thời gian dài, nhiều lần theo điểm c, d khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự. Do đó, các bị cáo T, C bị đưa ra xét xử theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét trong quá trình điều tra, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật

Hình sự. Đối với bị cáo T đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội, bên cạnh đó gia đình bị cáo có công với cách mạng, anh ruột là Liệt sĩ, cha, anh và em ruột được tặng thưởng nhiều huân, huy chương nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo C đã có thời gian chấp hành nghĩa vụ quân sự, thi hành nghĩa vụ quốc tế, là người có công với cách mạng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo phạm tội vì mục đích vụ lợi, chứa mại dâm không thu tiền đối với các lần mua bán dâm mà chỉ tạo điều kiện cho người bán dâm thuê phòng bán dâm và thu tiền phòng. Bên cạnh đó, bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo T được hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước và pháp luật. Đối với bị cáo C đã bị tạm giam và chấp hành án thời gian dài đủ để bị cáo nhận thức được lỗi làm của mình nên Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo với mức án bằng thời hạn tạm giam để tạo điều kiện cho bị cáo sửa đổi, trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 327 của Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*. Hội đồng xét xử quyết định phạt bổ sung số tiền 10.000.000 đồng đối với bị cáo T, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo C do bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

[7] Về tiền thu lợi bất chính: Các bị cáo khai nhận từ tháng 5/2019 đến ngày bị bắt, các bị cáo có thu lợi từ việc chứa mại dâm khoảng 7.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình điều tra chỉ đủ căn cứ để chứng minh các bị cáo chứa mại dâm đối với 02 cặp mua bán dâm khi bị bắt quả tang và thu lợi bất chính 400.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải nộp khoản tiền thu lợi bất chính là 400.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 09 (chín) bao cao su là công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 250.000 đồng thu giữ của anh Lê Minh Th là tiền mua dâm nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[9] Ý kiến tranh luận của Luật sư bào chữa cho bị cáo T là phù hợp với ý kiến tranh luận của Kiểm sát viên và đã được Hội đồng xét xử xem xét.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Quang T** và **Lê Trọng C** phạm tội “Chứa mại dâm”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 327; điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Lê Trọng C**: 02 (hai) năm 29 (hai mươi chín) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/7/2020 đến ngày 29/8/2022. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 327; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Nguyễn Quang T**: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án.

- Căn cứ khoản 5 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, phạt tiền bị cáo **Nguyễn Quang T**: 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân phường Linh Đông, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 55, Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Tiếp tục duy trì Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 67/2022/HSST-BPNC ngày 30/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đối với bị cáo T cho đến khi bị cáo nhận được quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền.

3. Về xử lý vật chứng và tiền thu lợi bất chính: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Tịch thu tiêu hủy: 09 (chín) bao cao su.

(Theo Phiếu nhập kho số 119, ngày 19/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức).

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 250.000 (hai trăm năm mươi nghìn) đồng là vật chứng của vụ án.

(Theo Giấy nộp tiền vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức ngày 13/5/2020).

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: Số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền thu lợi bất chính bị cáo Nguyễn Quang T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0008962 ngày 21/5/2020 và số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng bị cáo Lê Trọng C đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0008964 ngày 22/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

- Tạm giữ số tiền 3.300.000 (ba triệu, ba trăm nghìn) đồng bị cáo Nguyễn Quang T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0008962 ngày 21/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức để đảm bảo thi hành án khoản tiền nộp phạt bổ sung.

- Trả lại cho bị cáo Lê Trọng C số tiền 3.300.000 (ba triệu, ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0008964 ngày 22/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Buộc các bị cáo, mỗi bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích về chế định án treo cho bị cáo được hưởng án treo)

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an thành phố Thủ Đức;
- Tòa án nhân dânTh phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Phòng PV06, PC10 - Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư phápTh phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Anh Ngọc